

Số: 243 /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, giai đoạn 2013 – 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Công văn số 4465/BTNMT-TCMT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin xây dựng Báo cáo đa dạng sinh học Quốc gia lần thứ 6, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo như sau:

I. Hiện trạng đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

1. Đa dạng hệ sinh thái

- Vùng đất ngập nước của tỉnh hiện nay chủ yếu tập trung ở Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu du lịch Gáo Giồng, Khu du lịch Xẻo Quýt. Với tổng diện tích khoảng 16.000 ha. Các loài sinh vật quý hiếm được ghi nhận ở các khu vực này như: Sếu đầu đỏ, Ô Tắc, Te Vàng, Diêng Diêng, Ròng Rọc vàng, Le khoang cổ, Nhất hoa, Gà Lôi nước, Cò trắng; các loài cá, ếch, nhái, rùa, rắn, thằn lằn...

Về sinh cảnh, Tràm Chim được ghi nhận với các sinh cảnh bao gồm: hệ thực vật ở đây có nhiều trảng cỏ ngập nước theo mùa, rừng tràm tái sinh và đầm lầy trũng. Một số quần xã như lúa ma, sen, súng là những sinh cảnh tự nhiên đặc thù của Vườn Quốc gia Tràm Chim.

- Các quần cư chính gồm:

+ Rừng tràm.

+ Đồng ngập nước theo mùa: Đồng cỏ Năng, Đồng cỏ Môm, Đồng cỏ Ống, Đồng Lúa ma, Đồng Lác nước.

+ Hệ sinh thái đầm lầy.

- Danh sách các loài nguy cấp quý hiếm có dấu hiệu phục hồi:

+ Thực vật: lúa trời, gáo vàng.

+ Động vật: Sếu đầu đỏ, Công đất, Gà đẫy, Diêng diêng, Rắn hổ mang.

2. Đa dạng loài sinh vật

2.1. Đa dạng loài thuộc HST trên cạn

a) Thực vật bậc cao: Theo kết quả điều tra năm 2013, trên địa bàn tỉnh, khu hệ thực vật có trên 910 loài, thuộc 545 chi của 152 họ. Trong danh lục thực vật, có 4 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 và 3 loài ở cấp độ bị đe dọa (threaten) trở lên trong danh sách IUCN.

b) Hệ động vật

- *Đa dạng nhóm thú:* Kết quả khảo sát năm 2013, trên địa bàn tỉnh có trên 32 loài thuộc 22 chi trong 14 họ của 7 bộ thú khác nhau.

- *Đa dạng nhóm chim:* Theo danh lục chim của Vườn Quốc gia Tràm Chim (tháng 05/2007) có 231 loài, với 141 chi trong 48 họ của 11 bộ. Kết quả tổng hợp từ việc khảo sát, phúc tra năm 2013: Lớp Chim, có trên 184 loài, với 127 chi trong 52 họ của 14 bộ.

- *Đa dạng nhóm lưỡng cư và bò sát:* Kết quả tổng hợp từ việc khảo sát năm 2013 trên địa bàn tỉnh: Lớp Bò sát có trên 77 loài, thuộc 47 chi trong 20 họ của 3 bộ. Lớp Lưỡng cư có trên 22 loài thuộc 13 chi trong 5 họ của 2 bộ.

- *Đa dạng về côn trùng:* Kết quả khảo sát, phúc tra năm 2013 trên địa bàn tỉnh: Lớp côn trùng (Insecta) hiện có trên 362 loài, trong 261 chi, thuộc 80 họ của 16 bộ. Trong 362 loài ghi nhận được, thống kê có 322 loài gây hại cho cây trồng, vật nuôi và con người (chiếm 88,9%); trong khi đó, côn trùng có lợi (tương đối) và thiên địch chỉ có 35 loài (chiếm 9,7%).

2.2. Đa dạng loài thuộc HST thủy vực

- *Đa dạng về cá:* Vườn Quốc gia Tràm Chim ghi nhận được tổng cộng 130 loài cá thuộc 11 bộ, 31 họ và 79 chi. Tuy nhiên, kết quả từ việc khảo sát, phúc tra năm 2013 trên địa bàn tỉnh chỉ mới ghi nhận có 124 loài, thuộc 78 chi, nhưng lại nằm trong 33 họ của 10 bộ, và bổ sung thêm 4 loài cá quý, hiếm gặp ở Vườn Quốc gia Tràm Chim, đưa tổng số loài trong danh lục lên 128 loài, thuộc 34 họ trong 10 bộ. Trong đó, chưa kể nhóm cá cảnh nhập nội vào trong tỉnh có trên khoảng 82 loài khác nhau.

- *Đa dạng về phiêu sinh vật:* Kết quả tổng hợp tư liệu ghi nhận được 394 loài, thuộc 8 ngành thực vật phiêu sinh; trong đó, các nhóm Chrysophyta và Chlorophyta chiếm ưu thế trong thành phần loài. Động vật phiêu sinh ghi nhận được 68 loài và 5 dạng ấu trùng, trong đó, nhóm Rotatoria chiếm ưu thế trong thành phần loài.

- *Động vật không xương sống cỡ lớn ở đáy:* có 92 loài, thuộc 6 lớp, trong đó, lớp côn trùng chiếm ưu thế trong thành phần loài.

3. Đa dạng nguồn gen

3.1. Đa dạng sinh học cây lúa:

- Đồng Tháp đã đưa nhiều giống lúa khác nhau để trồng thực nghiệm và sản xuất. Hiện nay, ngành nông nghiệp đã xác định bộ giống cho sản xuất nông nghiệp của địa phương, gồm 6 giống chủ lực: (OM 4218, Jasmine 85, VNĐ95 – 20CD 20, OMCS 2000, OM 2514, OM 4900); 6 giống bổ sung: (IR 64, HD 1, OM 2517, OM 4498, OM 3536, TN 128); 4 giống mới có triển vọng: (OM 6162, OM 4041, OM 5472, OM 5199).

- Các giống lúa trồng hiện nay trên địa bàn tỉnh thuộc chi *Oryza*, chi này có 23 loài hoang dại và 2 loài lúa trồng *Oryza sativa* và *Oryza glaberrima* thuộc loại lúa nhị bội $2n = 24$ có bộ gen AA. Loài *Oryza glaberrima* phân bố chủ yếu ở Tây và Trung Phi, còn loài *Oryza sativa* được gieo trồng ở khắp thế giới, Giống lúa trồng ở Đồng Tháp hiện nay là *Oryza sativa*. Bộ giống lúa trong tỉnh bao gồm cả lúa tiên (Indica) và lúa cánh (Japonica). Lúa Japonica là nguồn vật liệu quý để tạo giống lúa thơm.

- Ngoài lúa *Oryza sativa*, Việt Nam còn là nơi tồn tại sự đa dạng nhiều quần thể của các loài lúa hoang dại: Loài *Oryza glanulata* (Tây bắc, có gen chịu hạn và gen có khả năng quang hợp cao trong điều kiện ít chiếu sáng); loài *Oryza rufipogon* (Đồng Tháp Mười, Bến Tre, Trà Vinh, Hà Tiên, có nguồn gen chịu chua, phèn cao nhất thế giới); loài *Oryza officinalis* (Đồng Tháp và Ô Môn có nguồn gen kháng rầy nâu).

- Hiện các nhà khoa học cũng đã phát hiện 3 loài có quan hệ huyết thống gần gũi với cây lúa là: *Hygroryza aristata* (Trung bộ); loài *Leersia hexandra* (các đất ngập nước) và loài *Rhynchorysun subulata* (Phụng Hiệp). Tất cả là những vật liệu khởi đầu quý cho các chương trình chọn tạo giống lúa ở nước ta hiện nay và sau này.

- Trong hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học ở tỉnh Đồng Tháp, việc phục hồi lại các quần thể Lúa ma (*Oryza rufipogon*), Lúa hoang (*Oryza officinalis*) và Cỏ bắc (*Leersia hexandra*) cho vùng Đồng Tháp Mười cũng cần được xem là một trong những hoạt động ưu tiên bảo tồn gen.

3.2. Đa dạng sinh học cây ăn trái: Kết quả khảo sát cho thấy hệ số đa dạng cây trái của tỉnh Đồng Tháp so với số loài cây ăn trái của Việt Nam là 0,27 (29/105), gần bằng 1/3 so với cả nước.

4. Diễn biến đa dạng sinh học giai đoạn 2010 - 2017

Vườn Quốc gia Tràm Chim là khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar). Đây là khu bảo tồn đa dạng sinh học của hệ sinh thái đất ngập nước, với tổng diện tích tự nhiên là 7.313 ha, thuộc địa bàn huyện Tam Nông, là nơi trú ngụ của hơn 231 loài chim, 130 loài thực vật bậc cao, 130 loài cá nước ngọt

và 29 loài lưỡng cư, bò sát; trong đó có 32 loài chim quý, hiếm, đặc biệt là loài Sếu đầu đỏ quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng trên toàn cầu.

Các khu bảo tồn đa dạng sinh học đất ngập nước khác như:

- ***Khu Di tích Xẻo Quýt***, với diện tích khoảng 50 ha, trong đó có 20 ha rừng tràm nguyên sinh, có 154 loài thực vật hoang dã, 73 loài cá, 127 loài ếch, nhái, rùa, rắn, thằn lằn, chim và thú. Trong đó, có 13 loài động vật được ghi vào sách đỏ Việt Nam.

- ***Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng***, thuộc xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, với diện tích khoảng 1.700 ha, trong đó có 250 ha rừng nguyên sinh, với những bung tráp, lung, bầu đầy sen, súng, lau sậy, cà na, gáo..., sân chim rộng 40 ha, cùng nhiều loài chim nước sinh sống và làm tổ quanh năm như: Cò, Trích mồng đỏ, Cồng cộc, Le le, Diệc, Vịt trời...

- Ngoài ra, ***Khu di tích Gò Tháp và Khu di tích Xẻo Quýt*** là khu bảo vệ cảnh quan theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố danh mục các khu bảo tồn.

Trong giai đoạn 2010 – 2017, diễn biến đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh theo hướng giảm về diện tích và một số loài và cá thể, gồm những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân trực tiếp:

+ ***Mở rộng diện tích đất canh tác***: việc mở rộng diện tích đất canh tác nông nghiệp làm co hẹp diện tích phân bố tự nhiên và đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của các loài thực vật bản địa và các loài quý hiếm khác. Các hoạt động của con người trong nông nghiệp còn mang theo các mầm mống cỏ dại xâm chiếm sinh cảnh của các loài bản địa; phân tán các hợp chất hóa học, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... ảnh hưởng đến HST tự nhiên trước đây.

+ ***Khai thác tài nguyên sinh học thiếu bền vững***: Các hoạt động săn bắn, đánh bắt cá, hoặc thu hoạch quá mức một loài hoặc một quần thể có thể dẫn tới sự suy giảm của loài hoặc quần thể đó.

+ ***Cháy rừng***: Hàng năm vẫn xảy ra các vụ cháy rừng vào mùa khô, mức độ và diện tích cháy không đáng kể, nhưng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến các loài cây tái sinh và các loài cây thân thảo, cây con, chồi non...

+ ***Sự xâm nhập của các loài ngoại lai***: Khó khăn trong quản lý và kiểm soát sự xâm nhập của các loài sinh vật ngoại lai trong thời gian qua, gây ra hoạt động chèn ép các loài bản địa. Ở một số loài có khả năng thụ tinh chéo, chúng còn làm rối loạn hệ thống gen các loài sinh vật bản địa. Thực tế cho thấy, cá trê phi, ốc bươu vàng, chuột hải ly, rùa tai đỏ, cá lau kiếng... khi về Việt Nam với

mong ước là tạo ra một nguồn lợi mới. Những lợi ích kinh tế ban đầu như cá to, năng ký, rùa có màu sắc bắt mắt làm cảnh, sinh sản nhanh... mà chưa tính đến những tác hại đối với các loài bản địa.

- Nguyên nhân gián tiếp:

+ *Áp lực gia tăng dân số*: Dân số gia tăng dẫn đến nhu cầu đất canh tác tăng, làm thu hẹp diện tích hệ sinh thái tự nhiên, nhất là vùng đất ngập nước; dẫn đến tài nguyên sinh học bị khai thác nhiều hơn như gỗ, lương thực, thực phẩm, thủy sản; nhu cầu xây dựng hạ tầng gia tăng như đường giao thông, năng lượng làm chia cắt các quần thể tự nhiên; gia tăng sự náo động của các khu vực yên tĩnh trước đây, như tiếng ồn, ô nhiễm không khí từ phương tiện đi lại, dầu, khí thải, chất đốt.

+ *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu*: Biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học có sự tương tác với nhau trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển của tự nhiên. Biến đổi khí hậu làm thay đổi sự đa dạng sinh học thông qua sự biến đổi của môi trường.

+ *Phát triển du lịch*: Việc can thiệp ngày càng sâu vào đời sống hoang dã của các loài chim đã gây nên sự sợ hãi, phá vỡ chu kỳ sinh học vốn có, thay đổi tập quán sinh sống của chúng và hậu quả làm suy giảm về số lượng cá thể và loài.

III. Kết quả thực hiện chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học

1. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về đa dạng sinh học; lồng ghép nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học trong hoạch định chính sách

Trong giai đoạn 2013 – 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản như: Quyết định số 369/QĐ-UBND.HC ngày 17/4/2013 về Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 766/QĐ-UBND.HC ngày 14/8/2014 về phê duyệt Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 09/4/2015 về triển khai Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 01/9/2015 về Bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn 2015 – 2020 trên địa bàn tỉnh.

Thực trạng công tác quản lý nhà nước về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giao nhiệm vụ thời gian qua như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và chia sẻ thông tin về đa dạng sinh học, an toàn sinh học.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, đa dạng sinh học trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp được phê duyệt trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý và điều phối các đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ có liên quan đến bảo tồn, đa dạng sinh học trong các hạng mục đã được duyệt trong Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 của tỉnh.

- Cục Hải quan phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát đối với việc xuất - nhập khẩu các loài sinh vật biến đổi gen, các loài sinh vật ngoại lai; thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép các loài động, thực vật quý hiếm; xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân vận chuyển trái phép động, thực vật qua biên giới theo quy định của pháp luật.

- Công an tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện công tác phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Vườn Quốc gia Tràm Chim... theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý, tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học phù hợp với quy hoạch của địa phương.

2. Nguồn lực cho bảo tồn đa dạng sinh học

Khó khăn trong huy động các nguồn vốn cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học vì hiện nay nhu cầu vốn cần cho phát triển kinh tế xã hội rất lớn.

Hàng năm tỉnh phân bổ kinh phí cho công tác bảo tồn, đa dạng sinh học của Vườn Quốc gia Tràm Chim, cụ thể:

- + Năm 2013: 854.000.000 đồng.
- + Năm 2014: 1.580.000.000 đồng.
- + Năm 2015: 1.845.000.000 đồng.
- + Năm 2016: 2.211.386.000 đồng.
- + Năm 2017: 1.028.857.000 đồng.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, hàng năm cũng dành nguồn kinh phí cho công tác bảo tồn, đa dạng sinh học của địa phương.

Ngoài ra, cũng nhận được các nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, nhưng chủ yếu tài trợ phát triển tại Vườn Quốc gia Tràm Chim, cụ thể:

+ Năm 2016: Vốn viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài cho dự án: Phát triển du lịch sinh thái và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước ở Vườn Quốc gia Tràm Chim vì lợi ích của cộng đồng và đa dạng sinh học năm 2016 là 2.386.000.000 đồng, từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Công ty Coca-Cola do tổ chức WWF quản lý và điều phối.

+ Năm 2017: Vốn viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài dự án: Phát triển du lịch sinh thái và sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước ở Vườn Quốc gia Tràm Chim vì lợi ích của cộng đồng và đa dạng sinh học là 2.604.875.000 đồng, từ nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài không hoàn lại do Tổ chức WWF Việt Nam.

Hiện nay, tỉnh đang tăng cường đầu tư kinh phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn, đa dạng sinh học tại địa phương và đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn.

3. Các kết quả khác

- Vườn Quốc gia Tràm Chim đang tiến hành thí điểm xây dựng mô hình khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng bằng cách cho phép người dân được vào khai thác tài nguyên sinh vật trong Vườn, nhưng có sự kiểm soát chặt chẽ, đồng thời chia sẻ lợi ích từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý giữa người dân và Ban Quản lý vườn. Qua thực hiện thí điểm mô hình cho thấy người dân rất ủng hộ và việc xâm nhập trái phép vào Vườn Quốc gia để khai thác tài nguyên, thiên nhiên cũng giảm đáng kể. Mô hình này được Vườn Quốc gia Tràm Chim thực hiện từ năm 2009 đến nay.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học được thực hiện riêng lẻ, hoặc lồng ghép vào các buổi tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, do Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, báo, đài, Vườn Quốc gia Tràm Chim và các Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

- Việc lồng ghép nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học trong các chương trình giảng dạy các cấp và tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng: hàng năm tổ chức khoảng 50-60 lớp tập huấn cho người dân xung quanh vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim và các khu bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước, nhằm giáo dục người dân nhận thức và nâng cao vai trò, trách nhiệm mỗi

người trong việc bảo vệ sự đa dạng sinh học, ý thức trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng...

III. Kế hoạch, định hướng thực hiện chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

1. Các chính sách tổng thể

Trong thời gian tới tỉnh sẽ nghiên cứu và ban hành các chính sách:

- Chính sách phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí cho người dân.
- Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho khu vực dân cư vùng đệm các Khu bảo tồn, Vườn Quốc gia.
- Chính sách hỗ trợ vốn và đầu tư tín dụng: phát triển các hệ thống tín dụng theo nhóm: trung hạn, dài hạn, ngắn hạn, tín dụng người nghèo, tín dụng nhân dân, để hỗ trợ cho nhân dân vùng đệm có nghề nghiệp, phát triển kinh tế gia đình.

2. Các giải pháp và các vấn đề ưu tiên

2.1. Các giải pháp chung

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2015 - 2020.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ tham gia quản lý đất ngập nước, bảo tồn đa dạng sinh học một cách có hiệu quả. Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý đất ngập nước, bảo tồn đa dạng sinh học tương xứng với chức năng nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.
- Phân công, phân cấp nhiệm vụ rõ ràng giữa các ngành, các cấp để bảo vệ đất ngập nước, bảo tồn đa dạng sinh học.
- Định dạng và xây dựng quy trình quản lý tổng thể, lâu dài cùng với sự tham gia của các ngành, các cấp và nhân dân nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững hệ sinh thái đất ngập nước.
- Tiếp cận và áp dụng phương pháp quản lý tổng hợp liên ngành. Trong quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các cấp, các ngành chú trọng lồng ghép với việc bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên đất ngập nước và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên các vùng đất ngập nước.
- Khôi phục các hệ sinh thái đất ngập nước đã bị tàn phá. Điều tra, thống kê hiện trạng các hệ sinh thái của các vùng đất ngập nước cần bảo vệ, xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học tại các khu vực bảo tồn, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái.

- Tăng cường công tác phòng ngừa và xử lý kịp thời khi có sự cố cháy rừng. Tiếp tục trồng mới, phủ kín dần đất lâm nghiệp còn trống; chăm sóc, khai thác và bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo độ che phủ của rừng.

- Tổ chức quy hoạch các khu du lịch sinh thái của tỉnh theo hướng du lịch kết hợp phát triển kinh tế và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Thường xuyên tham gia, trao đổi, cập nhật những thông tin về chính sách, Công ước và Luật liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý khu bảo tồn.

- Đầu tư kinh phí cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tương xứng và đáp ứng yêu cầu thực tế.

2.2. Các giải pháp cụ thể

a. Giải pháp về cơ chế, chính sách, tổ chức, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đa dạng sinh học: Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đa dạng sinh học; kiện toàn tổ chức và tăng cường năng lực cho hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học; cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý đa dạng sinh học và an toàn sinh học phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; thực hiện các chương trình, dự án điều tra, nghiên cứu, ứng dụng và lồng ghép các nội dung về đa dạng sinh học, an toàn sinh học vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển, sử dụng tài nguyên sinh vật.

b. Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng: tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; phát huy nguồn tri thức tại địa phương, xây dựng mô hình quản lý rừng cộng đồng, quản lý bảo vệ và chia sẻ lợi ích từ rừng, từ tài nguyên đa dạng sinh học; xây dựng và tổ chức thường xuyên các chương trình truyền thông, các khóa đào tạo, tập huấn, diễn đàn, ngày lễ, các hoạt động hưởng ứng... về đa dạng sinh học và an toàn sinh học; phát hành các ấn phẩm truyền thông, chuyên ngành về đa dạng sinh học và an toàn sinh học; xây dựng các chương trình du lịch sinh thái nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật hoang dã quý hiếm.

c. Giải pháp về khoa học công nghệ: nghiên cứu, áp dụng khoa học kỹ thuật gây nuôi các loài động vật hoang dã nhằm hạn chế sự xâm hại của con người vào môi trường tự nhiên cũng như nhu cầu tiêu thụ các loài động thực vật hoang dã; điều tra cơ bản về tài nguyên sinh vật trong đó chú trọng đến đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và các hệ sinh thái đặc thù của tỉnh; bảo tồn, lưu giữ, trưng bày các nguồn gen, hiện vật, tiêu bản

các loài đặc hữu, quý hiếm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, vừa là nơi thăm quan, thu hút khách du lịch để phát triển kinh tế; phát hiện sinh vật lạ và xác định các nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh để bảo tồn và phát triển.

d. Giải pháp về kinh tế: phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững với ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ nhân dân trồng rừng phủ xanh đất trống, đất hoang hóa và bảo vệ rừng, phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu thay thế gỗ; phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên với quyền lợi kinh tế của người dân trên địa bàn; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và tránh xâm hại đến đa dạng sinh học.

đ. Tăng cường hợp tác quốc tế về đa dạng sinh học và an toàn sinh học: Tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng các hành lang bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo sự thống nhất, cùng nhau phát triển, đặc biệt trong triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; phối hợp với các cơ quan nghiên cứu thực hiện các dự án về đa dạng sinh học và an toàn sinh học nhằm bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học của tỉnh; tăng cường hợp tác quốc tế.

e. Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, lồng ghép bảo vệ môi trường với bảo vệ đa dạng sinh học: Bảo đảm nguồn chi ngân sách Nhà nước cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó chú trọng đầu tư trực tiếp cho các hoạt động bảo tồn, phát triển và quản lý đa dạng sinh học. Chú trọng huy động từ đối tượng hưởng lợi nhờ vào tài nguyên sinh vật, vốn của các ngành kinh doanh, các ngành công nghiệp, từ các nhà đầu tư để khai thác khía cạnh kinh tế mà đa dạng sinh học mang lại. Lồng ghép các nội dung bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, an toàn sinh học vào các lĩnh vực tài trợ được ưu tiên như xóa đói, giảm nghèo, y tế và phát triển nông thôn.

- Lồng ghép các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học vào các hoạt động phát triển kinh tế xã hội của các ngành, kết hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các ngành với nhau dưới sự chỉ đạo chung, như: việc phát triển khu bảo tồn phải gắn liền với hoạt động du lịch sinh thái và du lịch sinh thái phải nằm trong chiến lược đầu tư phát triển du lịch tổng thể của tỉnh; hoặc việc bảo tồn đa dạng sinh học trong đô thị phải gắn liền với các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình công ích như công viên, khu di tích, văn hóa lịch sử.

- Nâng cao nguồn thu từ giá trị môi trường rừng thông qua cơ chế phát triển sạch (CDM), du lịch sinh thái. Những đối tượng hưởng lợi nhờ vào tài nguyên đa dạng sinh học, những bè nuôi phải có trách nhiệm chi trả cho những hoạt động nhằm duy trì bảo vệ hệ sinh thái thủy vực; những người nuôi thủy sản công nghiệp phải có trách nhiệm chi trả cho những hoạt động làm giảm thiểu tác

động của ô nhiễm nguồn nước do việc nuôi trồng thủy sản gây ra. Các dịch vụ khai thác du lịch phải chi trả cho việc tôn tạo cảnh quan của toàn vùng, duy trì sự đa dạng sinh học cho tài nguyên du lịch, cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Quan tâm thu hút tài trợ quốc tế: sự trợ giúp của các nhà tài trợ, từ Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF), tăng cường cơ chế phối hợp thông qua các nhà tài trợ như Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP), Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN), Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), các dự án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học khác.

- **Lực lượng lao động tình nguyện sẽ là nguồn đóng góp rất lớn cho các hoạt động bảo tồn, như: thu gom rác thải trên kênh rạch nội ô cũng như vùng nông thôn, trồng cây xanh...**

IV. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc:

- Do áp lực gia tăng dân số, mở rộng diện tích sản xuất, khó có thể tiếp tục giữ vững, mở rộng diện tích rừng, thay vào đó có thể sẽ là đất canh tác cho các mục đích khác. Điều này dẫn đến tình trạng diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp.

- Nguy cơ cháy rừng đang là vấn đề đáng lo ngại mà tỉnh rất quan tâm. Bên cạnh đó, vì sinh kế, người dân xâm nhập trái phép vào rừng lấy mật ong, bắt cá, săn chim... cũng là nguy cơ tiềm ẩn gây cháy rừng.

- Đe dọa của các loài động thực vật ngoại lai, điển hình ở Đồng Tháp là cây Mai Dương (tên khoa học là *Mimosa pigra*) tập trung chủ yếu tại vườn Quốc gia Tràm Chim. Sự xâm lấn của loài ngoại lai này là một trong những yếu tố làm biến đổi tài nguyên và môi trường.

- Chưa quy định đầy đủ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngập nước hợp lý, để bảo tồn đa dạng sinh học.

- Các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước của Trung ương chưa được ban hành kịp thời, toàn diện, mới chỉ chú trọng những quy định trong sản xuất, khai thác lợi ích kinh tế đất ngập nước; chưa có chính sách rõ ràng về bảo vệ, mở rộng hay thu hẹp diện tích đất ngập nước. Việc chuyển từ đất trồng cây nông nghiệp sang đất ngập nước, như đào kinh thủy lợi, đào ao, đìa nuôi trồng thủy sản chưa có quy định cụ thể.

- Chính sách, thể chế và pháp luật chưa hiệu quả: việc triển khai Luật Đa dạng sinh học còn có một số nội dung chưa rõ như: xác định trách nhiệm, giải pháp trong thời gian tới để thực hiện Luật Đa dạng sinh học; làm rõ cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp và sự tham gia của các tổ chức Phi Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội... Cần tăng cường nguồn lực cho công tác bảo tồn đa

dạng sinh học; xác định các vấn đề “nóng” về đa dạng sinh học cần được giải quyết; đề xuất các giải pháp và đề ra sáng kiến về bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn còn hạn chế: cùng với quá trình phát triển và định hướng phát triển theo hướng công nghiệp, đô thị thì các sinh cảnh tự nhiên, quần cư của các loài động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh đã và đang bị thay thế dần bởi các hệ sinh cảnh nhân tạo, đây là một xu hướng tất yếu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước.

- Quản lý và bảo tồn, đa dạng sinh học thủy vực còn nhiều khó khăn: Các hệ sinh thái thủy vực thuộc sông, kênh, rạch nhất là các khu nội thị bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm công nghiệp và sinh hoạt. Hành lang thực vật tự nhiên dọc theo các con sông giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học: là quần cư, nơi kiếm ăn, hành lang di trú của các loài động vật hoang dã.

- Bảo tồn đa dạng sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu: sự du nhập các giống cây trồng mới, đặc biệt là các giống cây ăn trái lai tạo có năng suất cao (trong tương lai sẽ có cả những loài cây ăn trái bị biến đổi gen) sẽ làm suy giảm nguồn gen của các giống cây ăn trái đặc hữu địa phương.

- Sử dụng tài nguyên sinh học chưa hợp lý và thiếu bền vững: các kế hoạch phát triển công nghiệp, đô thị là một thách thức lớn đối với bảo tồn đa dạng sinh học; xu hướng tăng dần diện tích đất phi nông nghiệp do quá trình đô thị hóa, sự ô nhiễm sông rạch từ trong và ngoài tỉnh không chỉ ảnh hưởng đến đa dạng sinh học mà còn ảnh hưởng đến con người ở hiện tại và tương lai.

- Sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ đa dạng sinh học còn hạn chế: do chưa hiểu rõ về lợi ích, giá trị nên sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo tồn và đa dạng sinh học còn ít.

- Năng lực trong quản lý và bảo vệ đa dạng sinh học chưa mạnh, công tác quản lý còn nhiều khó khăn: kiến thức về quản lý dịch hại và theo dõi diễn biến phát sinh đối tượng gây hại mới của cán bộ kỹ thuật còn hạn chế; lúng túng trong việc theo dõi, nhận dạng, đề xuất các giải pháp phòng trừ, làm ảnh hưởng đến việc quản lý, kiểm soát sinh vật ngoại lai, cũng như nhận dạng, định danh các loài động vật hoang dã cấm khai thác, sử dụng, chứng minh được nguồn gốc hợp pháp do đó ảnh hưởng đến việc thực thi luật đa dạng sinh học.

- Hệ thống sông Mê Công đi qua nhiều nước và các tỉnh của ĐBSCL, nhưng chiến lược hợp tác giữa các nước trong lưu vực sông Mekong nhằm bảo vệ nguồn nước chỉ mới ở giai đoạn đầu, cũng như chiến lược hợp tác giữa tỉnh Đồng Tháp với các tỉnh nằm dọc theo sông Tiền và sông Hậu nhằm bảo vệ hệ sinh thái thủy vực trên các con sông này hiện nay vẫn chưa được quan tâm nhiều.

2. Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng khung pháp lý và môi trường kinh tế phù hợp để bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học. Trước mắt, cần sớm ban hành Văn bản dưới luật để thực thi Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn để áp dụng trong cả nước.

- Ban hành Quy định về việc sử dụng cơ chế tài chính cho hoạt động quản lý bảo tồn đa dạng sinh học, có sự phân cấp nguồn vốn và hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước và các tổ chức quốc tế để hỗ trợ cho các địa phương.

- Xây dựng các văn bản pháp quy về xử phạt vi phạm hành chính và các công cụ kinh tế, nhằm ngăn chặn kịp thời những hành động tiêu cực phá hoại tài nguyên thiên nhiên.

- Ban hành quy định về việc gây ô nhiễm và kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động canh tác nông nghiệp, công nghiệp, giao thông... để tránh ảnh hưởng và tác động xấu đến đa dạng sinh học.

- Có quy định hoặc cơ chế phân chia nguồn lợi từ việc khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên các vườn quốc gia, các khu bảo tồn giữa chính quyền địa phương, Ban Quản lý Vườn Quốc gia và cộng đồng dân cư vùng đệm.

- Quy định về việc phát huy vai trò của các đoàn thể, cộng đồng và người dân trong việc tuyên truyền vận động, giáo dục, quản lý, bảo tồn và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

3. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ cho địa phương:

- Hỗ trợ kinh phí để tăng cường năng lực kỹ thuật và tổ chức đào tạo cán bộ chuyên môn có kiến thức trong việc lập quy hoạch, kế hoạch quản lý bảo tồn đa dạng sinh học.

- Có cơ chế hỗ trợ tài chính cho địa phương để định kỳ (có thể 5 năm 1 lần) tiến hành điều tra đánh giá, kiểm kê các giống loài trong hệ sinh thái, theo dõi tình trạng và xu hướng diễn biến của các loài chỉ thị nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho các địa phương trong việc lập quy hoạch, kế hoạch bảo tồn, ban hành các quyết định, chính sách về quản lý đa dạng sinh học.

- Hỗ trợ kinh phí thông qua các chương trình, dự án để phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng đệm và xây dựng hệ thống các trạm quan trắc phục vụ công tác duy trì và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hỗ trợ kinh phí và hướng dẫn chuyên môn cho các khu bảo tồn, các vườn quốc gia xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về hiện trạng đa dạng sinh học, làm cơ sở cho công tác quản lý.

- Hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển bền vững và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Thường xuyên cung cấp các thông tin liên quan về chính sách quốc gia và quốc tế, những Công ước và Luật liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý khu bảo tồn.

- Sớm ban hành văn bản pháp luật quy định về quản lý, bảo vệ đa dạng sinh học; đồng thời hỗ trợ kinh phí thực hiện cũng như tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

(Phụ lục thu thập thông tin kèm theo Báo cáo)

Kính trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- STNMT;
- Lưu: VT + NC/KTN.Ng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

Phu lục: Ma trận thu thập thông tin

(Kèm theo Báo cáo số: 243 /BC-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
Chỉ thị/thông số hiện trạng					
1.	Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên - Diện tích rừng đặc dụng - Diện tích khu bảo tồn nước nội địa	7.666,33 ha	Biểu thị hiệu quả của công tác bảo tồn, duy trì các sinh cảnh, hệ sinh thái quan trọng.	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
2.	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập mới trong kỳ báo cáo	Số lượng: 03, gồm VQG Tràm Chim 7.313 ha, KDT Gò Tháp 289,69 ha và KDT Xẻo Quýt 61,28 ha		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
3.	Diện tích rừng: - Tổng diện tích và tỷ lệ che phủ rừng - Diện tích rừng của từng KBT - Diện tích rừng nguyên sinh - Diện tích rừng trồng mới tập trung	Rừng hiện có 6.086 ha, tỉ lệ che phủ 1,52 %, trong đó DT KBT 2.600,30 ha. 0 ha Rừng trồng lại sau khai thác 1.554,49 ha, rừng trồng thay thế 202,3 ha		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
				Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
				Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
	- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	Diện tích rừng được quản lý chăm sóc 6.533,98 ha		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
	- Tổng diện tích rừng ngập mặn - Diện tích rừng ngập mặn của mỗi khu bảo tồn đất ngập nước ven biển	0 ha			
4.	Diện tích rạn san hô: - Tổng diện tích rạn san hô và độ phủ - Diện tích rạn san hô và độ phủ của mỗi khu bảo tồn biển	0 ha			
5.	Diện tích thảm cỏ biển: - Tổng diện tích thảm cỏ biển - Diện tích thảm cỏ biển và độ phủ của mỗi khu bảo tồn biển	0 ha			
6.	Số lượng khu bảo tồn có tầm quan trọng quốc tế: - Số lượng các khu Ramsar - Số lượng khu dự trữ sinh quyển - Số lượng vườn di sản ASEAN	Số lượng 01 (VQG Tràm Chim)		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
7.	Tình trạng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng theo Nghị định 160/2013/NĐ-CP	- Số loài: + 07 loài cá + 32 loài chim	Biểu thị hiệu quả bảo tồn các loài sinh vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
8.	Số lượng nguồn gen được kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn	Xác nhận 130 loài thực vật; 231 loài chim; 130 loài cá; 93 loài động vật nổi; 90 loài động vật đáy; 15 loài thú; 44 loài lưỡng cư, bò sát.	Biểu thị hiệu quả của phương pháp bảo tồn chuyên chỗ, đồng thời tạo nguồn cung cấp thực phẩm cho con người. Mức độ thay đổi và suy thoái của các nguồn gen bản địa	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
9.	Số lượng giống cây trồng, vật nuôi được bảo tồn trong trang trại	Số lượng, danh mục			
Chỉ thị/thông số áp lực					
10.	Chất lượng môi trường nước (lưu ý tại các khu bảo tồn)	Kết quả khảo sát cho thấy có hiện tượng ô nhiễm hữu cơ. Hàm lượng sắt tổng, phosphate và amonia trong vườn là cao. Nhìn chung, chất lượng nước tại khu vực khảo sát vẫn phù hợp với sự phát triển của các loài thủy sinh vật.	Thể hiện mức độ ô nhiễm môi trường nước nói chung, ô nhiễm hữu cơ nói riêng, gây tác động đến đa dạng sinh học, đời sống sinh vật và nguồn lợi	Vườn quốc gia Tràm Chim	Năm 2017
11.	Diện tích đất/mặt nước của mỗi khu bảo tồn thiên nhiên (rừng đặc	-Tổng diện tích VQG TC năm 1998	Biểu thị mức độ phân mảnh các hệ sinh thái,	Vườn quốc gia Tràm Chim	Năm 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
	dụng, biển, vùng nước nội địa) bị chuyển đổi mục đích sử dụng	là 7.588 ha. Điều chỉnh diện tích VQG TC năm 2005 là 7.313 ha - Diện tích bị chuyển đổi mục đích sử dụng là 275 ha.	gây suy thoái hệ sinh thái, thu hẹp diện tích nơi cư trú, làm giảm mức độ đa dạng sinh học. Đánh giá các tác động của con người lên các hệ sinh thái Tác động của thiên tai		
12.	Diện tích rừng bị cháy	Tổng diện tích cháy 396,53 ha, trong đó: cháy đồng cỏ 373,86 ha, cháy rừng 22,67 ha		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
13.	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTN&MT-BNN&PTNT	ốc bươu vàng, cá lau kiếng	Mức độ phát triển quần thể sinh vật ngoại lai xâm hại, gây xáo trộn các loài bản địa, đặc biệt cạnh tranh nơi cư trú, thức ăn với các giống loài bản địa gần gũi về phân loại học	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 27/2013/TTLT-BTN&MT-BNN&PTNT	03 loài (cỏ lào, cây cúc lợn, cây công)		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
14.	Số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Luật Đa dạng sinh học	Số lượng 245 vụ. + Năm 2013: 25 vụ, 27 đương sự + Năm 2014: 64 vụ,	Các thông tin cơ bản thể hiện áp lực của con người tới nguồn lợi sinh vật thông qua khai thác quá	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
		64 đương sự + Năm 2015: 99 vụ, 105 đương sự + Năm 2016: 21 vụ, 23 đương sự + Năm 2017: 36 vụ, 36 đương sự	mức hoặc trái phép		
	Lâm sản bị tịch thu (gỗ, động vật rừng hoang dã)	Loại lâm sản, khối lượng/số lượng: 1,453 m ³ gỗ, 443,5 kg ĐVHD		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2014
	Diện tích rừng bị phá (loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)	0 ha			
15.	Số vụ khai thác thủy sản trái phép	245 vụ		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
16.	- Tổng diện tích rạn san hô của cả tỉnh mới bị chết/phá - Diện tích rạn san hô của mỗi khu BTB mới bị chết/phá	0 ha	Tỉnh Đồng Tháp không giáp biển		
17.	- Tổng diện tích thảm cỏ biển của cả tỉnh bị chết/phá - Diện tích thảm cỏ biển của mỗi khu BTB mới bị chết/phá	0 ha	Tỉnh Đồng Tháp không giáp biển		
Chỉ thị/thông số đáp ứng					

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
18.	Số lượng và Danh mục văn bản đã được ban hành và mới ban hành trong kỳ báo cáo	04	Tác động tích cực đến môi trường sống và đa dạng sinh học Mức độ đáp ứng kịp thời về pháp lý cho bảo tồn	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
19.	Số lượng khu bảo tồn thiên nhiên có Ban quản lý	Số lượng 03: VQG Tràm Chim, khu di tích Gò Tháp và Khu di tích Xẻo Quýt.		Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017
20.	Số Khu bảo tồn đã thực hiện quan trắc đa dạng sinh học	01 (VQG Tràm Chim). Danh sách loài được quan trắc: Sếu đầu đỏ, chim cổ rắn, còng cọc, giang sen...	Cơ sở để thực hiện báo cáo tình trạng đa dạng sinh học	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2014-2017
21.	Số lượng khu bảo tồn thiên nhiên có kế hoạch hoạt động hàng năm và 5 năm (Nghị định 117/2010/NĐ-CP)	số lượng: 03	Quản lý khu bảo tồn hiệu quả	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013-2017
22.	Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên đã đánh giá dịch vụ hệ sinh thái	số lượng: 03 loại dịch vụ giá trị dịch vụ (VNĐ)	Xác định được các lợi ích tiềm năng của hệ sinh thái	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013-2017
23.	Số lượng và diện tích các cơ sở bảo	Số lượng: 01 (VQG	Mức độ hiệu quả của	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
	tồn đa dạng sinh học (vườn động vật, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ quốc gia)	Tràm Chim). Diện tích 7.313 ha	hoạt động bảo tồn loài quý hiếm (bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ)		
24.	Số cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận sản xuất bền vững (chứng chỉ rừng, chứng nhận khai thác thủy sản hợp pháp, vietgap....)	Không			
25.	Số lượng nguồn gen được thu thập tư liệu hoá và lập chỉ dẫn địa lý	Không			
26.	Số lượng các chương trình, các đợt tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đa dạng sinh học	Số lượng: 60 lớp, 3.800 lượt người tham gia, 8.000 tài liệu bướm và 210 biển cấm các loại.	Mức độ và hiệu quả của hoạt động nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
27.	Số lượng, diện tích hành lang đa dạng sinh học được thiết lập	0 ha			
28.	Ngân sách hàng năm chi cho Chương trình phòng chống cháy rừng	Chi cho hoạt động phòng chống cháy rừng khoảng 1.670.000 đồng.	Nguồn tài chính đáp ứng cho yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2013 - 2017
Chỉ thị/thông số lợi ích					
29.	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	Diện tích khai thác 2.289,46 ha Sản lượng khai thác 143.091 m ³	Mức độ phong phú của nguồn lợi sinh vật và các dịch vụ khác của các HST	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2017

STT	Chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Diễn giải	Cấp thực hiện	Kỳ công bố
(i)	(ii)	(iii)	(iv)	(v)	(vi)
30.	Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Danh sách loài hoặc nhóm loài thủy sản cùng với năng suất (tấn/ha)			
31.	Loại hình và số tiền thu được tương ứng từ mỗi loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch: 3.034.167.000 đồng - Dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn ĐDSH của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch: 459.495.880 đồng do Chủ rừng thu trực tiếp (VQG Tràm Chim và BQL rừng tràm Gáo Giồng) 	Mức độ chia sẻ lợi ích và huy động nguồn lực xã hội cho công tác bảo tồn	Tỉnh Đồng Tháp	Năm 2015 - 2017